

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-ST

Ngày: 17/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vi Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Thái Quang Định**

Bà **Vũ Thị Xuyên**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mai Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Thị Nhung** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11 và ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2021/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HS ngày 31/12/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đàm Thị Kiều O**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 13/5/1992, tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 6, khu 1, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Văn N và bà Nguyễn Thị N; Có chồng là Vũ Trọng H (đã ly hôn) và 02 con: lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:***

- **Công ty Cổ phần P**; Địa chỉ: phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Tổ 1, khu H, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Tổ 21, khu 6, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt,

- Chị **Trần Thị Kim C**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Tổ 1, khu C, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị **Đinh Thị Hà G**, sinh năm: 1994; Địa chỉ: khu A, phường P, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Anh **Phạm Đức T**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ 1, khu 9, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị **Phạm Thị D**, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Tổ 1, khu 9, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị **Triệu Linh T**, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Tổ 52^E, khu 4B, phường C, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị **Phạm Phương A**, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Số nhà 40, ngõ 29, phố X, phường P, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Anh **Mai Văn D**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ 6, khu 2, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Vũ Hoàng U**, sinh năm: 1995; Địa chỉ: khu Y, phường Y, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt,

- Chị **Đỗ Kiều O**, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1999; Địa chỉ: Xóm 4, thôn C, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Chị **Đoàn Thị Thương H**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt,

** Những người làm chứng:*

- Anh **Vũ Trọng H**, Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn 5, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Anh **Phạm Đức L**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ 18A, khu 6, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Bà **Đặng Thị T**, sinh năm: 1932; Địa chỉ: Tổ 5B, khu 1, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Anh **Lê Thanh T**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ 29, khu 8, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị **Lê Thị Lan A**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đàm Thị Kiều O bắt đầu làm dịch vụ du lịch và đặt vé máy bay cho khách từ năm 2017, đến cuối tháng 2 năm 2018 việc kinh doanh của O thua lỗ, O bàn với chồng là Vũ Trọng H thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ Z do H làm giám đốc, O làm nhân viên kinh doanh để tạo uy tín và niềm tin cho khách hàng. Trên thực tế việc kinh doanh của công ty hoàn toàn do O thực hiện. Do kinh doanh thua lỗ nhiều nên O nảy sinh ý định tạo niềm tin cho khách hàng, nhận các hợp đồng đặt gói du lịch của họ nhưng không thực hiện hợp đồng chiếm đoạt tiền dịch vụ của khách hàng chuyển để lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định đó, lấy danh nghĩa công ty Z, O vẫn đăng tin các gói du lịch giá rẻ gồm vé máy bay chiều đi, chiều về và khách sạn cho khách trên trang mạng xã hội Facebook, với tên tài khoản cá nhân “Kieuoanh” và tài khoản Zalo số điện thoại 0973.964.416 của O để khách hàng liên lạc đặt dịch vụ. Khi có khách đặt các gói du lịch đi trong nước hay nước ngoài, O đều tư vấn về lịch trình cho khách, thời gian đi, về, loại vé máy bay và khách sạn để tạo lòng tin cho khách, với những hợp đồng lớn, O còn cung cấp thông tin giả mạo về việc O có liên kết với bên thứ ba là các công ty lữ hành du lịch để khách hàng tin tưởng về khả năng thực hiện dịch vụ của O rồi chuyển tiền cho O. Sau khi nhận tiền khách hàng chuyển, O không thực hiện hợp đồng mà chỉ tiêu hết số tiền đã nhận. Một số hợp đồng, do khách hàng sau khi chuyển tiền cho O không thấy O thực hiện hợp đồng nên nhiều lần nhắn tin, gọi điện yêu cầu O thực hiện đúng thỏa thuận thì O đã tạo mã vé máy bay, mã khách sạn không có thực hoặc gửi mã vé chưa thanh toán cho khách hàng để tạo niềm tin. Sau khi bị phát hiện và tiếp tục bị yêu cầu thực hiện hợp đồng thì O thực hiện một phần hợp đồng để tạo lòng tin với khách như mua vé máy bay chiều đi hoặc chiều về hoặc đặt khách sạn cho khách. Sau khi chiếm đoạt tài sản của nhiều khách hàng, O đã cắt liên lạc với mọi người, trốn khỏi Ưông Bí đến Hạ Long sinh sống lấy tên gọi khác để tránh bị phát hiện. Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 2/2018 đến 5/2018 O đã thực hiện 12 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng số tiền O chiếm đoạt là 232.600.000 đồng. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Cuối tháng 2/2018, anh Phạm Đức T đặt gói du lịch đi Đà Lạt gồm vé máy bay chiều đi, chiều về và khách sạn cho 02 người với giá 7.700.000 đồng. Anh T đã chuyển đủ số tiền cho O. Sau đó, O truy cập mạng Internet lấy mã 02 **vé máy bay điện tử (nhưng không thanh toán để tạo niềm tin)** gửi cho chị Phạm Thị D (vợ anh T). Ngày 07/4/2018 khi vợ chồng anh T đến sân bay Nội Bài là thủ tục bay thì phát hiện 02 vé máy bay điện tử O cung cấp chưa được thanh toán. Anh T liên lạc với O thì O nói anh cứ mua vé, sau về sẽ thanh toán lại. Anh T đã mua 02 vé giá 6.690.000 đồng. Khi vợ chồng anh T ở Đà Lạt, anh tiếp tục yêu cầu O chuyển vé chiều về và thanh toán tiền khách sạn nên O đã thực hiện. Sau khi, đi du

lịch về anh yêu cầu O thanh toán lại tiền anh đã tự mua vé chiều đi nhưng O không trả. Tháng 5/2021 O đã trả chị D số tiền 6.600.000 đồng.

Vụ thứ 2: Ngày 16/3/2018, chị Triệu Linh T đã đặt gói đi Đà Nẵng (từ ngày 11/5/2018 đến 13/5/2018) cho 10 người, gồm vé máy bay khứ hồi của hãng VietnamAirlines và 3 phòng khách sạn Adaline Đà Nẵng, số tiền 24.500.000 đồng. Chị T đã chuyển vào số tài khoản 19030998824017 mang tên anh Vũ Trọng H do O cung cấp số tiền trên. Sau khi nhận tiền, O gửi mã vé chiều đi và booking khách sạn với mã số không có thực cho chị T. Sau đó bị chị T phát hiện và yêu cầu O thực hiện hợp đồng thì ngày 10/5/2018 O gửi cho chị T 03 vé máy bay Vietnamairline và 07 vé máy bay Vietjet. Ngày 12/5/2018, đoàn du lịch ở Đà Nẵng nhưng O không gửi mã vé về và không thanh toán tiền khách sạn, chị T phải thanh toán 16.460.000 đồng. Tháng 5 và tháng 9/2021 O đã trả chị T tổng số tiền 16.460.000 đồng.

Vụ thứ 3: Qua mạng xã hội Facebook, chị Phạm Phương A liên lạc với O, đặt vé máy bay khứ hồi đi Hà Nội - Bangkok và nghỉ tại khách sạn Baiyoke Boutique (5 ngày 4 đêm), đã thanh số tiền 13.300.000đồng. Chị Phương A đã nhiều lần yêu cầu O thực hiện hợp đồng nhưng O trì hoãn, sau đó O đã gửi xác nhận mã vé máy bay và phòng nghỉ cho chị Phương A (mã không có thực, O tự tạo trên mạng Internet) thì bị chị Phương A phát hiện và yêu cầu O phải thực hiện hợp đồng. O mua 04 vé chiều đi và gửi cho chị Phương A mặc dù O biết đi du lịch Thái Lan phải mua cả vé chiều về thì mới xuất cảnh được. Ngày 02/5/2018 khi đoàn chị Phương A làm thủ tục lên máy bay thì không xuất cảnh được buộc đoàn của chị Phương A phải tự mua vé chiều về. Khi đến khách sạn ở Thái Lan kiểm tra phòng O thỏa thuận đã đặt thì thấy chưa được đặt, đoàn chị Phương A phải tự thanh toán tiền khách sạn và mua về chiều về là 14.400.000 đồng. Sau khi về, chị Phương A đòi nhiều lần thì O trả chị số tiền 1.400.000 đồng. Tháng 5/2021 O đã trả chị Phương A 13.300.000 đồng. Tổng số tiền O đã trả cho chị Phương A là 14.700.000 đồng.

Vụ thứ 4: Đầu tháng 4/2018 anh Mai Văn D đặt vé du lịch đi Đà Nẵng qua tin nhắn facebook, thời gian đi là 17/5/2018 đến 20/5/2018 gồm chiều đi, chiều về và khách sạn với giá là 10.650.000 đồng. Ngày 07/4/2018 anh D chuyển cho O 10.000.000 đồng. Anh D nhiều lần yêu cầu O chuyển vé cho anh nhưng O không thực hiện. Sau đó, O gửi mã vé máy bay và khách sạn chưa thanh toán cho anh D làm tin thì anh D phát hiện được và yêu cầu trả lại tiền nên ngày 07/5/2018, O đã đặt 4 vé máy bay của hãng Vietjet (đã thanh toán) nhưng chưa đặt chiều về và khách sạn. Sau đó, anh D tìm hiểu biết O lừa nhiều người nên hủy hợp đồng, anh đồng ý chịu số tiền O đã đặt vé máy bay là 5.200.000 đồng. Anh yêu cầu O trả lại anh số tiền 4.800.000 đồng. Ngày 14/5/2018 O trả anh số tiền 1.700.000 đồng, còn lại số tiền 3.100.000 đồng O không trả. Tháng 5/2021 O trả anh D số tiền 3.100.000 đồng. Tổng số tiền O đã trả cho anh D là 4.800.000 đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng tháng 4/2018, O đã tư vấn cho chị Nguyễn Thị M - chủ tịch Công đoàn, Công ty Cổ phần P về gói du lịch đi Nha Trang, để tạo niềm tin cho chị M, O đã lên lịch trình chuyến du lịch, gửi giấy đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH dịch vụ P (Công ty chuyên tổ chức dẫn tour du lịch) và nói với chị M là Công ty O liên kết để tổ chức chuyến đi cho đoàn chị M. Chị M đã tin tưởng và ký hợp đồng đặt tour du lịch cho 40 người với số tiền là 229.200.000 đồng. Thỏa thuận thanh toán 3 đợt, đợt 1 ngày 16/4/2018, Công ty P đã chuyển 70.000.000 đồng, cho tài khoản của O để xuất vé và đặt dịch vụ. Đến ngày 29/4/2018, Công ty P không nhận được vé và thông tin về chuyến bay đã thỏa thuận. Chị M đã nhiều lần liên lạc và tìm gặp O nhưng không liên lạc được. Tháng 5/2021 O đã trả chị M số tiền 70.000.000 đồng.

Vụ thứ 6: Ngày 31/3/2018 chị Đỗ Kiều O đặt của O gói du lịch Hải Phòng - Phú Quốc gồm vé máy bay đi, về và khách sạn cho 2 người giá 5.800.000 đồng từ ngày 06/5/2018 đến 09/5/2018. Sau khi nhận được tiền, O nhiều lần hứa hẹn chuyển vé máy bay nhưng không thực hiện hợp đồng.

Vụ thứ 7: Ngày 19/4/2018 chị Trần Thị Kim C để đặt vé du lịch thành phố Hồ Chí Minh và chuyển cho O 8.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, O nhiều lần hứa hẹn chuyển vé cho chị nhưng không thực hiện hợp đồng. Tháng 5/2021 O đã trả chị C số tiền 8.000.000 đồng.

Vụ thứ 8: Tháng 4/2018 nhắn tin qua facebook chị Đinh Thị Hà G đặt mua 03 vé máy bay giá 5.500.000 đồng đi Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 28/4/2018 chị đưa cho O 5.000.000 đồng. O hẹn trước ngày 30/5/2018 sẽ chuyển vé cho chị nhưng không thực hiện hợp đồng. Tháng 5/2021 O đã trả chị G số tiền 5.000.000 đồng.

Vụ thứ 9: Ngày 29/4/2018 chị Nguyễn Thị H đặt gói du lịch cho 04 người đi Đà Nẵng giá 14.640.000 đồng. Chị H đã chuyển trước cho O 80% là 12.000.000 đồng. Sau đó, O không thực hiện hợp đồng. Tháng 5/2021 O đã trả chị H số tiền 12.000.000 đồng.

Vụ thứ 10: Ngày 03/5/2018 chị Nguyễn Vũ Hoàng U chuyển vào tài khoản ngân hàng của anh Phạm Đức L (do O cung cấp) số tiền 8.600.000 đồng để đặt gói du lịch Thái Lan từ 01/6/2018 đến 05/6/2018 nhưng O không thực hiện hợp đồng.

Vụ thứ 11: Ngày 09/5/2018 anh Nguyễn Đức T chuyển 8.700.000 đồng cho O để đặt vé du lịch Uông Bí - Hải Phòng - Đà Nẵng từ 21/5 - 25/5/2018. O gửi cho anh T mã vé điện tử chưa thanh toán để tạo niềm tin. Anh T phát hiện ra và yêu cầu O thực hiện hợp đồng nhưng O không thực hiện.

Vụ thứ 12: Khoảng tháng 4/2018 Công ty TNHH dịch vụ và du lịch P do chị Đoàn Thị Thương H - giám đốc đã đặt của Đàm Thị Kiều O 35 vé máy bay cho khách du lịch xuất phát từ Hà Nội đi Đà Nẵng, chị H đã chuyển cho O số tiền 59.000.000 đồng. Quá trình giao dịch chị H đã gửi cho O giấy phép đăng ký kinh

doanh của công ty TNHH dịch vụ và du lịch P để làm hợp đồng. Sau đó, O không thực hiện hợp đồng và tiêu sài hết tiền, chị H đã nhiều lần yêu cầu O trả lại thì O đã trả chị H số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó thì chị H không liên lạc được với O nữa.

Cáo trạng số 130/CT-VKSUB ngày 24/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đàm Thị Kiều O khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu, bị cáo thừa nhận với mục đích nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại nên bị cáo đã đưa những thông tin gian dối về việc đặt vé máy bay, phòng khách sạn và các gói du lịch để các bị hại tin tưởng và chuyển tiền cho bị cáo. Tổng số tiền O chiếm đoạt của 12 người là 232.600.000 đồng, đến nay bị cáo đã bồi thường cho các bị hại được 170.500.000 đồng; còn số tiền O vẫn chưa bồi thường được là 62.100.000 đồng gồm: Anh Nguyễn Đức T 8.700.000 đồng, chị Vũ Hoàng U 8.600.000 đồng, chị Đỗ Kiều O 5.800.000 đồng, chị Đoàn Thị Thương H 39.000.000 đồng.

Những người bị hại chị Nguyễn Thị M (đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần P), anh Nguyễn Đức T, chị Trần Thị Kim C, chị Đinh Thị Hà G, anh Phạm Đức T, chị Phạm Thị D, chị Triệu Linh T, chị Phạm Phương A, anh Mai Văn D, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Vũ Hoàng U, chị Đỗ Kiều O, chị Đoàn Thị Thương H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với nội dung vụ án.

Ngoài ra tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Đức T đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị cáo O phải bồi thường số tiền 8.700.000 đồng; chị Nguyễn Vũ Hoàng U đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị cáo O phải bồi thường số tiền 8.600.000 đồng; chị Đỗ Kiều O đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị cáo O phải bồi thường số tiền 5.800.000 đồng; chị Đoàn Thị Thương H đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị cáo O phải bồi thường số tiền 39.000.000 đồng.

Các bị hại còn lại đã được bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt và đều có lời khai tại cơ quan điều tra về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người làm chứng anh Vũ Trọng H, anh Phạm Đức L, bà Đặng Thị T, anh Lê Thanh T, chị Lê Thị Lan A và chị Nguyễn Thị Thanh T đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ phù hợp nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về hình phạt chính:* Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Đàm Thị Kiều O mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ bị bắt đi thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.
- Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585 Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Đàm Thị Kiều O bồi thường cho anh Nguyễn Đức T số tiền 8.700.000đồng; chị Nguyễn Vũ Hoàng U số tiền 8.600.000đồng; chị Đỗ Kiều O số tiền 5.800.000đồng; chị Đoàn Thị Thương H số tiền 39.000.000đồng.

Bị cáo không tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng và phù hợp với biên bản, tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối 2/2018 đến tháng 5/2018 trên địa bàn thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Đàm Thị Kiều O đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhận đặt các gói du lịch và mua vé máy bay cho các anh Nguyễn Đức Th, Mai Văn D, Phạm Đức T và các chị Nguyễn Vũ Hoàng U, Nguyễn Thị H, Đinh Thị Hà G, Trần Thị Kim C, Đỗ Kiều O, Nguyễn Thị M, Phạm Phương A, Triệu Linh T, Đoàn Thị Thương H để chiếm đoạt tổng số tiền 232.600.000 đồng (hai trăm ba mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức về điều khiển hành vi, thực hiện lỗi cố ý, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo biết rõ Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Z không có khả năng thực hiện các dịch vụ du lịch nhưng bị cáo đã lấy danh nghĩa là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Z để đăng thông tin về các gói du lịch lên mạng xã hội, gửi các thông tin giả về việc đặt vé máy bay và phòng khách sạn nhằm tạo lòng tin của khách hàng, lợi dụng nhu cầu cần đi du lịch giá rẻ và sự tin tưởng của các bị hại, bằng thủ đoạn gian dối O đã lừa đảo và chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền 232.600.000đồng, do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

** Tình tiết tăng nặng:* Bị cáo thực hiện 12 lần phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, thuộc trường hợp phạm tội 2 lần trở lên.

**Tình tiết giảm nhẹ:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho các bị hại với số tiền 170.500.000đồng trên tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 232.600.000đồng; đồng thời số các bị hại đã được bị cáo bồi thường đã có lời khai tại cơ quan điều tra về việc đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, xét về mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thì áp dụng mức hình phạt khởi điểm khung hình phạt của điều luật đối với bị cáo là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Các bị hại: anh Nguyễn Đức T yêu cầu bị cáo O phải bồi thường số tiền 8.700.000đồng; Chị Nguyễn Vũ Hoàng U yêu cầu bị cáo O phải bồi thường số tiền 8.600.000đồng; Chị Đỗ Kiều O yêu cầu bị cáo O phải bồi thường số tiền 5.800.000đồng; Chị Đoàn Thị Thương H yêu cầu bị cáo O phải bồi thường số tiền 39.000.000đồng. Về số tiền các bị hại yêu cầu trên là tiền bị cáo O lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại chưa bồi thường, nên yêu cầu trên của các bị hại buộc bị cáo O phải bồi thường là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về các biện pháp ngăn chặn: Căn cứ khoản 4 Điều 123; Điều 124 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với Đàm Thị Kiều O cho đến khi đi chấp hành án phạt tù.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Đàm Thị Kiều O** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo **Đàm Thị Kiều O 07 (Bảy)** năm tù, thời hạn tù tính từ bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 584, 585 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo **Đàm Thị Kiều O** phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Đức T số tiền **8.700.000đồng** (*Tám triệu bảy trăm nghìn đồng*); Bồi thường cho chị Nguyễn Vũ Hoàng U số tiền **8.600.000đồng** (*Tám triệu sáu trăm nghìn đồng*); Bồi thường cho chị Đỗ Kiều O số tiền **5.800.000đồng** (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*); Bồi thường cho chị Đoàn Thị Thương H số tiền **39.000.000đồng** (*Ba mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại, nếu bị cáo không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3 Về các biện pháp ngăn chặn: Căn cứ khoản 4 Điều 123, Điều 124 Bộ luật tố tụng hình sự.

Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với **Đàm Thị Kiều O** cho đến khi đi chấp hành án phạt tù.

Tạm hoãn xuất cảnh đối với **Đàm Thị Kiều O** cho đến khi đi chấp hành án phạt tù.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, danh mục án phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo **Đàm Thị Kiều O** phải nộp 200.000^d (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.105.000^d (*ba triệu một trăm linh năm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17 tháng 01 năm 2022; các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. Uông Bí;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra Công an TP Uông Bí;
- Cơ quan THAHS Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thanh Hà